TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/HSST
Ngày 25 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Năm và ông Nguyễn Quang Thái.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Lãng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1977; sinh trú quán: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 2/12; con ông: Nguyễn Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ: Đinh Thị Y và có 01 con; tiền án: Có 01 tiền án.

- Tại Bản án số 04/2015/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt H 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", (tài sản trộm cắp trị giá 15.000.000đồng). Ra trại ngày 19 tháng 10 năm 2015. Chấp hành án phí hình sự xong tháng 5 năm 2015.

Tiền sự: Có 03 tiền sự.

- Ngày 21 tháng 7 năm 2014, bị Công an huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi mua ma túy để sử dụng, H đã nộp phạt ngày 04 tháng 8 năm 2014.

- Ngày 18 tháng 11 năm 2014 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; H chưa nộp phạt.

- Ngày 01 tháng 12 năm 2014, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) Công an tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; H chưa nộp phạt.

Nhân thân:

- Ngày 27 tháng 4 năm 2007, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ra Quyết định số 457 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa H vào Trung tâm Giáo dục Lao động - Xã hội tỉnh Vĩnh Phúc cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Ngày 27 tháng 02 năm 2009, H chấp hành xong trở về địa phương.

- Ngày 07 tháng 12 năm 2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 3480, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa H vào Cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà, với thời hạn 24 tháng. Ngày 30 tháng 9 năm 2013, H chấp hành xong trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 4 năm 2017 đến nay, (có mặt).

2. Trần Hồng Q, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1978; trú tại: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông Trần Ngọc K và bà Lại Thị Thu H; có vợ là Hoàng Thị H3 và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân:

- Ngày 09 tháng 3 năm 2015, sử dụng trái phép chất ma túy, bị Trưởng công an phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng, Q đã nộp phạt ngày 18 tháng 3 năm 2015.

- Tại Bản án số 22/2017/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm 9 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam 13 tháng 01 năm 2017. Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, đến nay, (có mặt).

Người bị hại: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Văn H2, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn G, xã Q1, huyện B, tỉnhVĩnh Phúc, (có mặt).

2. Bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Trần Hồng Q bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 12 giờ ngày 09 tháng 01 năm

2017 Trần Hồng Q đi xe đạp từ nhà sang thôn N, xã T thì gặp Nguyễn Văn H; Q rủ H đến chiều sang xưởng cơ khí của anh Nguyễn Hữu H1 ở thôn Chợ N, xã T để trộm cắp tài sản, H đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, H đi xe đạp sang thôn Chợ N gặp Q, rồi cả 02 đi đến khu vực có nhà xưởng của anh H1 quan sát và thống nhất đến đêm sẽ cùng nhau vào trong nhà xưởng trộm cắp tài sản, sau đó cả 02 đi về. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Q mang theo 01 xà cầy bằng kim loại dài khoảng 01m, có đập bẹt một đầu dùng để nhổ đinh, đi bộ đến khu vườn chuối phía sau nhà xưởng của anh H1 thì gặp H đi xe đạp đã ở đó. Cả 02 đợi ở vườn chuối đến khoảng 01 giờ sáng ngày 10 tháng 01 năm 2017, H và Q cùng trèo qua tường rào phía sau vào sân nhà xưởng, H cầm xà cầy cạy cánh cửa xưởng, còn Q trèo tường rào ra bên ngoài đứng cảnh giới; sau khi phá được cửa, H vào bên trong lấy được 01 máy hàn kim loại đã cũ, 02 đoạn dây hàn điện được bọc bên ngoài bằng cao su màu đen (01 đoạn dài 15m, 01 đoạn dài 9,4m) đem ra đưa qua tường rào cho Q rồi trèo tường ra ngoài. H và Q để máy hàn và 02 đoạn dây điện lên xe đạp của H, sau đó H đem về cất giấu ở khu vườn chuối gần nhà H, còn Q đứng chờ ở đó đợi H quay lại để tiếp tục trộm cắp. Khoảng 30 phút sau H quay lại tiếp tục trèo tường vào trong xưởng trộm cắp được 01 máy cắt kim loại cầm tay đã cũ, nhãn hiệu Makita LS1030N đem ra đưa qua tường rào cho Q rồi trèo ra ngoài. H chở chiếc máy cắt kim loại về cất giấu ở vườn chuối cùng máy hàn và 02 đoạn dây điện hàn sau đó đi về nhà mình ngủ, còn Q đi bộ về nhà mình. Đến khoảng 07 giờ 30 sáng ngày 10 tháng 01 năm 2017, H đi nhờ xe máy của một người đi đường không rõ tên địa chỉ đem toàn bộ số tài sản trộm cắp được của anh H1 đến nhà anh Ngô Văn H2 ở thôn G, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc gạ bán (H quen biết từ trước và biết anh H2 đang muốn mua máy hàn). Do không biết tài sản do H trộm cắp mà có nên anh H2 đồng ý mua với giá 1.800.000 đồng, anh H2 trả trước cho H 1.000.000 đồng và hẹn đến chiều sẽ trả nốt số tiền còn lại. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H quay lại nhà anh H2 để lấy tiền nhưng anh H2 chỉ mua Máy hàn, 02 đoạn dây điện hàn và trả lại cho H chiếc máy cắt kim loại, H đem về sau đó bán cho 01 nam giới không biết tên địa chỉ đi thu mua sắt vụn ở trên đường được 600.000đồng. Toàn bộ số tiền 1.600.000đồng do bán tài sản trộm cắp mà có, H đi đến khu vực ngã 4 thuộc phường K, gần khu công nghiệp K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, mua ma túy của một nam giới không biết tên tuổi địa chỉ, sau đó đem về cho Q 01 ít, số còn lại H sử dụng hết.

Ngày 17 tháng 01 năm 2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành thu giữ tại nhà anh Ngô Văn H2 01 Máy hàn kim loại đã cũ hiệu SERELEC TRIC WELDING và 02 đoạn dây điện hàn bên ngoài bọc nhựa cao su màu đen (01 đoạn dài 15m, 01 đoạn dài 9,4m), do H và Q đã trộm cắp.

Ngày 15 tháng 02 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 16, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định trị giá 01 máy hàn kim loại cũ; 02 đoạn dây điện hàn do Nguyễn Văn H và Trần Hồng Q đã trộm cắp. Tại Kết luận định giá số 09/KL-ĐG ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Tổng trị giá trị

tài sản trộm cắp là 1.983.000đồng, trong đó máy hàn trị giá 1.333.000 đồng; đoạn dây điện dài 15m trị giá 350.000đồng; đoạn dây điện hàn dài 9,4m trị giá 300.000đồng.

Ngày 10 tháng 02 năm 2017, Cơ quan CSĐT - Công an huyện B tiến hành tạm giữ của anh Nguyễn Hữu H1 01 tờ hóa đơn mua máy cắt kim loại ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, quận H, thành phố Hà Nội; 01quyển sách hướng dẫn sử dụng máy cắt kim loại hiệu Makita.

Ngày 08 tháng 3 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 21 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện B định giá qua hồ sơ xác định trị giá chiếc máy cắt kim loại nhãn hiệu Makita đã cũ do H và Q trộm cắp. Tại Kết luận định giá số 29/KL-ĐG ngày 11 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Trị giá 01 máy cắt kim loại là 3.266.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 32/KSĐT - KT ngày 21 tháng 6 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố Nguyễn Văn H và Trần Hồng Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Văn H từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Hồng Q từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù tổng hợp với hình phạt 02 năm 09 tháng tù của Bản án số 22/2017/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B. Buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 năm 06 tháng đến 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam của bản án trước 13 tháng 01 năm 2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Trần Hồng Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, các bị cáo khai nhận: Khoảng 01 giờ sáng ngày 10 tháng 01 năm 2017, lợi dụng đêm tối, không có người trông coi trong xưởng, Nguyễn Văn H và Trần Hồng Q đã có hành vi lén lút dùng xà cầy bằng kim loại cạy cửa phía sau xưởng cơ khí của anh Nguyễn Hữu H1, ở thôn Chợ N, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trộm cắp được 01 máy hàn điện đã cũ, 02 đoạn dây điện hàn được bọc bên ngoài bằng nhựa cao su màu đen, 01 máy cắt kim loại

cầm tay đã cũ nhãn hiệu Makita LS1030L. Tổng trị giá các tài sản trộm cắp là 5.249.000đồng (Năm triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với các kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Văn H và Trần Hồng Q đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản"; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo H được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 là thành khẩn khai báo nhưng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm h, p khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Q có bố đẻ ông Trần Ngọc K là người có công với nước được tặng thưởng Huân huy chương; vợ bị cáo chị Hoàng Thị H3 đã tự bồi thường cho người bị hại mặc dù không có sự tác động của bị cáo.

Tuy nhiên trước khi phạm tội các bị cáo có nhân thân xấu, đặc biệt bị cáo H có nhân thân rất xấu bị cáo có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm; ngoài ra bị cáo có 03 tiền sự đều liên quan đến ma túy, bị cáo đã được đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn không từ bỏ được ma túy do vậy liên tục 03 lần bị xử phạt về hành vi tàng trữ và mua ma túy về để sử dụng. Đối với bị cáo Q tuy không có tiền án tiền sự nhưng cũng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng ma túy, bản thân hiện đang phải chấp hành bản án của Tòa án về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc các bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù tại trại giam. Bị cáo Q hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án trước đang có hiệu lực pháp luật do vậy cần tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt của hai bản án. Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp được chấp nhận.

Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, mặc dù bị cáo Q là người có ý định trộm cắp trước, rủ H đi ăn trộm và chuẩn bị xà cầy nhưng bị cáo H mới là

người có vai trò chính, thực hành tích cực, bị cáo H trực tiếp là người cạy cửa, vào lấy đồ đem cất giấu và đem đi tiêu thụ; số tiền bán tài sản bị cáo H là người tiêu sài phần lớn (Q chỉ được H chia cho 01 tép ma túy) do đó bị cáo H có vai trò chính, bị cáo Q vai trò thấp hơn.

Đối với anh Ngô Văn H2 là người mua số tài sản của H, anh H2 không biết tài sản do H trộm cắp mà có, do vậy cơ quan điều tra không xem xét xử lý anh H2 về hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp. Đối với số tiền 1.000.000đồng anh H2 đưa cho H quá trình điều tra anh H2 không yêu cầu H phải bồi thường ngay trong vụ án này nên tòa không xét. Sau này nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh H1 yêu cầu H và Q phải bồi thường giá trị 01 Máy cắt kim loại (không thu giữ được) theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản là 3.266.000 đồng. Tại phiên tòa anh H1 chỉ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.633.000 đồng, số tiền này chị Hoàng Thị H3 (là vợ bị cáo Q) đã bồi thường xong cho anh ngày 15 tháng 5 năm 2017, do vậy anh không có yêu cầu hay đề nghị gì khác về phần dân sự.

Tại phiên tòa chị H3 trình bày không yêu cầu các bị cáo phải trả số tiền 1.633.000 đồng chị đã bồi thường thay cho các bị cáo do vậy tòa không xét.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 máy hàn bằng kim loại đã cũ và 02 đoạn dây điện hàn quá trình điều tra xác định là của anh H1 nên ngày 27 tháng 3 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho anh H1 là chủ sở hữu hợp pháp sau khi nhận lại tài sản anh H1 không có ý kiến gì khác nên tòa không xét. Đối với số tiền 600.000 đồng bán máy cắt bị cáo H tiêu sài hết, tuy nhiên quá trình điều tra không xác định được người mua máy cắt, hơn nữa bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc máy cắt bị mất không thu hồi được do vậy không truy thu, sung quỹ nhà nước đối với số tiền 600.000 đồng này.

Đối với chiếc xà cầy mà Q cùng H dùng làm công cụ phá cửa xưởng để trộm cắp tài sản, H đã vứt bỏ trên đường về, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ nên tòa không xét.

Đối với chiếc xe đạp mà H dùng làm phương tiện trộm cắp ngày 10 tháng 01 năm 2017, quá trình điều tra làm rõ là của bà Nguyễn Thị C mẹ đẻ H, bà C không biết H dùng làm phương tiện phạm tội, do vậy không xem xét xử lý.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo H và bị cáo Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Hồng Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 13 tháng 4 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Hồng Q 09 (Chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù tại Bản án số 22/2017/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện B. Buộc bị cáo Trần Hồng Q phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 03 (Ba) năm 6 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ tạm giam 13 tháng 01 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Xác nhận bị cáo Trần Hồng Q đã bồi thường xong cho anh Nguyễn Hữu H1 số tiền 1.633.000 đồng theo sự thỏa thuận của các bên (do chị Hoàng Thị H3 vợ bị cáo Q bồi thường thay ngày 15 tháng 5 năm 2017).

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Hồng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Các bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng